

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/DSST

Ngày: 08 – 9 -2022

V/v: Tranh chấp dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Minh Chi.

2. Bà Trần Ngọc Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Tử B, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10 Lê Văn Việt, khu phố Chợ, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Có đơn yêu cầu xét xử mặt).

Bị đơn: Ông Tạ Lưu Quốc Th, sinh năm 1981, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 144/5, khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt không có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Quách Ngọc Thúy O, sinh năm 1976; trú tại: Số 17 Lê Văn Việt, khu phố Chợ, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; trú tại: 74 khu phố Nguyễn Trãi, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn – ông Ngô Tử B trình bày:

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 ông Ngô Tử B cho ông Tạ Lưu Quốc Th vay số tiền 480.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; vay tiền không có lãi suất. Tuy nhiên hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 Ông B nhiều lần yêu cầu Ông T thanh toán nhưng Ông T cố tình không trả lại tiền. Do Ông T giao Ông B 01 bản photo copy giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu của Ông T, 01 bản photo copy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của Ông T, 01 bản photo copy giấy chứng nhận kết hôn của Ông T với bà Tâm nên Ông B mới tin tưởng cho Ông T vay tiền. Ông B xác định số tiền cho vay 480.000.000 đồng là tài sản riêng của Ông B không phải tài sản chung của vợ chồng Ông B và bà Oanh.

Ông B yêu cầu Ông T phải có trách nhiệm trả cho Ông B 480.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi chậm thanh toán là 10%/01 năm trên số tiền 480.000.000 từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày Tòa án xét xử 08 tháng 9 năm 2022 là 01 năm 07 tháng 09 ngày là 77.030.000 đồng. Tổng số tiền Ông B yêu cầu là 557.030.000 đồng.

Ông B xác định chỉ yêu cầu ông Tạ Lưu Quốc Th thanh toán 557.030.000 đồng. Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do Ông B cung cấp gồm: 01 pho to giấy vay tiền (đã đối chiếu bản chính); bản pho to 01 giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu của Ông T, 01 bản pho to giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của Ông T, 01 bản pho to giấy chứng nhận kết hôn của Ông T với bà Tâm..

Ông Tạ Lưu Quốc Th và bà Nguyễn Thanh Tâm đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Ông T và bà Tâm không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng Ông T, bà Tâm không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Ngô Tử B khởi kiện yêu cầu ông Tạ Lưu Quốc Th; địa chỉ: Phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương trả nợ vay. Xét, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Tạ Lưu Quốc Th và bà Nguyễn Thanh Tâm theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Ông T, bà Tâm không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông Tuấn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngô Tử B yêu cầu ông Tạ Lưu Quốc Th trả số tiền 480.000.000 đồng tiền vay gốc và 77.030.000 đồng tiền chậm thanh toán đối với giấy mượn tiền ngày 24 tháng 7 năm 2020. Xét thấy theo nội dung giấy mượn tiền ngày 24 tháng 7 năm 2020 thể hiện ông Tạ Lưu Quốc Th có vay của Ông B số tiền 480.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hai bên không thỏa thuận lãi suất cho vay. Căn cứ lời trình bày, bản chính giấy mượn tiền có căn cứ xác định Hợp đồng cho vay tiền mặt ngày 24 tháng 7 năm 2020 là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của Ông B.

Xét thấy Ông B chỉ yêu cầu ông Tạ Lưu Quốc Th trả số tiền nêu trên là phù hợp vì tại giấy vay tiền chỉ có Ông T ký tên và lăn tay.

[3] Xét đối với yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán, căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định *“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.” “ 4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Như vậy theo quy định nêu trên thì Ông T phải có nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thanh toán là 10%/01 năm đối với số tiền vay gốc 480.000.000 đồng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 77.030.000 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Ngô Tử B đối với bị đơn - ông Tạ Lưu Quốc Th về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Tạ Lưu Quốc Th trả cho ông Ngô Tử Bình số tiền 557.030.000 đồng (Năm trăm năm mươi bảy triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng), trong đó tiền vay gốc 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 08 tháng 9 năm 2022 là 77.030.000 (Bảy mươi bảy triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tạ Lưu Quốc Th phải chịu án phí sơ thẩm là 27.851.500 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi một ngàn, năm trăm đồng).

Hoàn trả cho ông Ngô Tử B số tiền 11.600.000 đồng (Mười một triệu, sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001998 ngày 04 tháng 3 năm 2022 và số tiền 2.971.000 đồng (Hai triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn) theo Biên lai thu tiền số 0002656 ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc